

Unit 14: HELLO /h/

I. Luyện đọc và ghi âm lại các từ ở bảng dưới đây

initial (spoken)		medial (spoken)		initial (silent)
hat	→	ahead	→	hour
head	→	behave	→	honest
hot	→	reheat	→	heir
herb	→	unhelpful	→	honour
heavy	→	behind	→	heiress
heart	→	inhumane	→	hourly
home	→	behold	→	honourable
happy	→	inhale	→	honesty
hug	→	manhandle	→	honorary
who	→	forehead	→	hourglass

II. Tìm âm /h/ trong các từ sau

- A. for
- B. whole
- C. Phill
- D. shape
- E. why
- F. heart
- G. ahead
- H. different
- I. fight
- J. philosophy
- K. behind
- L. Ohio